TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm và thách thức lớn trong đời sống tu tập

ISSN: 2734-9195 20:06 26/06/2026

Giá trị của triết lý ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm đã trở thành kim chỉ nam giúp cho chúng ta đi đúng hướng, tịnh hoá thân tâm, sống trở về với chính ông chủ của mình, hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát.

Tóm tắt

Kinh Kim Cương là một trong những tác phẩm kinh điển có giá trị trong hệ thống tạng kinh Bát nhã, là nền tảng của giáo lý Phật giáo Đại thừa. Kinh Kim Cương trình bày về trí tuệ siêu việt, về con đường thể nhập trí tuệ Bát nhã, từ đó chặt đứt hết thảy tham ái, chấp thủ, vô minh, phiền não và đau khổ. Đặc biệt, kinh đã chỉ ra rằng, tâm thế của một hành giả tu tập khi vượt qua rào cản của tâm chấp trước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, thì sẽ chứng được chân không diệu hữu, thể nhập được tự tính của các pháp hay chứng đạt được Như tính của các pháp.

Tuy nhiên, trong thực tiễn khi con người luôn luôn bị **lục trần** đeo bám, thì liệu rằng người tu luyện có đủ năng lực để thực hành vượt qua điểm giới hạn của tâm trụ chấp lục trần?

Bài viết tập trung trình bày: Triết lý ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm; hành giả khó thực hành trong đời sống tu tập.

Từ khóa: Ưng vô sở trụ, thực tiễn, thực hành tu tập, kinh Kim Cang, nhi sinh kỳ tâm.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Kinh Kim Cương (Cang) là một trong những tác phẩm kinh điển có giá trị trong hệ thống Đại tạng kinh Ma ha Bát nhã ba la mật đa gồm 700 cuốn (bản dịch của pháp sư Huyền Trang có 600 cuốn), ra đời vào thế kỷ thứ II Tây lịch. Bản kinh Kim Cương tên đầy đủ là kinh Kim Cương Bát nhã ba la mật đa, nằm ở hội thứ 9 trong 16 hội của bộ Đại tạng kinh Bát nhã. Theo tác giả Kimura Taiken và các nhà Phật học cho rằng tư tưởng Bát nhã là nền tảng của giáo lý Phật giáo Đại thừa. Kinh Kim Cương trình bày về trí tuệ siêu việt, về con đường thể nhập trí tuệ Bát nhã, từ đó chặt đứt hết thảy tham ái, chấp thủ, vô minh, phiền não và đau khổ.

Trong Kinh Kim Cương, đức Phật đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi của Tôn giả Tu Bồ Đề về nhiều vấn đề như hạnh nguyện Bồ tát, tâm giác ngộ của Bồ tát, trang nghiêm cõi Phật, quả vị của Bồ tát..., trong đó nổi bật lên vấn đề cốt lõi làm sao an trụ tâm và hàng phục được tâm. Đó là vấn đề then chốt trong toàn bộ câu chuyện giữa đức Phật và ngài Tu Bồ Đề về lộ trình tu tập để hướng đến mục tiêu đạt được trí tuệ Bát nhã.

Đức Phật đã trả lời ngắn ngọn, súc tích, hết sức sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa, đó là "*ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*". Nghĩa là, tâm thế của một hành giả tu tập khi vượt qua rào cản của tâm chấp trước vào sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp trần, thì sẽ chứng được chân không diệu hữu, thể nhập được tự tánh của các pháp hay chứng được Như tính của các pháp. Tuy nhiên, để đạt được đỉnh cao của triết lý, chúng ta phải nhận thức được triết lý đó một cách thẩm thấu (osmosis) trước khi hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát trong đời sống tu tập.

Triết lý ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm

Kinh Kim Cương là một trong những bộ kinh quan trọng, là nền tảng cốt lõi trong hệ thống tạng kinh của Phật giáo Đại thừa. Đặc biệt, tư tưởng của kinh trở thành quyển sách *gối đầu giường* của Thiền tông Đông Độ cùng với bốn quyển kinh Lăng Già, được xem như tâm ấn trong giới Thiền tông. Chính vì vậy, các nhà Phật học Trung Hoa như Thiền sư Trí Khải đời Tuỳ, Thiền sư Trí Nghiêm đời Đường... đã cố gắng dịch, chú giải và truyền bá quyển kinh này rộng rãi trong cộng đồng những người tu thiền và tín đồ Phật giáo Trung Hoa. Tại Việt Nam, các Thiền sư nổi tiếng như Thiền sư Thanh Từ, Thiền sư Nhất Hạnh, Đại sư Trí Tịnh... đã dịch và giảng giải kinh Kim Cương cho các thiền sinh tại các Thiền viện, đồng thời kinh Kim Cương đã được giảng giải tại các trường Phật học; tăng, ni, tín đồ Phật giáo tại các tự viện cũng thường xuyên tụng đọc kinh này.

Trong toàn bộ bản **kinh Kim Cương**, điểm nhấn quan trọng của nó không nằm trong toàn bộ bản kinh, mà tư tưởng chủ đạo của kinh được nêu bật trong câu hỏi làm sao "*an trụ tâm*" và "*hàng phục tâm*". Để trả lời cho vấn đề này, đức Phật trình bày hết sức sâu sắc, cốt lõi đó là "*ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*" (应无所住而生其心), có nghĩa là đừng trụ vào đâu để sinh cái tâm. Có thể nói, toàn bộ câu chuyện giữa đức Phật và ngài Tu Bồ Đề đã khai mở cho hội chúng Tỳ kheo, các hành giả tu tập một *bí kíp* để mở cánh cửa vượt qua giới hạn của tâm thức hướng đến mục tiêu giác ngộ. Song, vì sao không trụ chấp vào đâu để sinh tâm?

Nhưng trụ chấp vào cái gì mà đức Phật cấm? Mục đích của nó để làm gì? Đây là vấn đề mà chúng ta cần nhận thức để thẩm thấu một triết lý Đại thừa hết sức sâu sắc trong kinh Kim Cương.

Trong đề mục về *trang nghiêm Tịnh Độ*, đức Phật dạy các Bồ tát về sự không chấp trước vào lục trần: *"Thế nên Tu-bồ-đề, các Bồ-tát lớn nên như thế mà sinh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sinh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm, nên không có chỗ trụ mà sinh tâm kia"* [1], đồng thời bác bỏ quan niệm cho rằng những ai muốn tạo ra những cõi Phật trang nghiêm *"Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm".* Nhưng tại sao Ngài phủ định rồi lại khẳng định? Bởi vì, nếu đứng trên lập trường tướng hữu vi, duyên hợp để tạo lập sự trang nghiêm cõi Phật bằng các công hạnh lục độ và chấp thủ vào hành động đó là thật, thì đó là sự giả tướng, là sự đối đãi giữa các tướng hữu vi, không phải xuất phát từ trí tuệ Bát nhã, cho nên cần phải phá bỏ quan niệm chấp thủ vào hành động thuộc về hữu vi pháp để thấy được vô tự tướng (cõi Phật). Nói cách khác đó là sự thoát ly các duyên sinh y tha khởi đạt đến viên thành thật tánh của Duy thức luận. Chính vì

vậy, những ai không còn vướng mắc, bám víu vào các chấp tướng thì mới có thể thẩm thấu được thực thể của Bát nhã bất khả tư nghì, hiểu được ý nghĩa tuyệt vời của câu nói "*trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm".* Đây không phải là vấn đề thuần lý của sự hiểu biết qua khái niệm, mà đó là quá trình trải nghiệm thông qua công phu tu luyện đoạn tận ái, đoạn tận chấp thủ, đoạn tận vô minh mới trực nhận được thực tánh của các pháp. Do đó, để an trụ được tâm và hàng phục được tâm, đức Phật dạy các vị Đại Bồ tát phải giữ tâm thanh tịnh, chớ nên sinh vọng tâm trụ chấp nơi sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Điểm nhấn của nó là làm rơi rụng các tưởng về ngã tướng, làm rơi rụng các chấp thủ ngã tướng để trực nhận được sự thật về vô ngã tướng hay nói khác hơn đó là sự *trang nghiêm cõi Phật* bằng sự đánh thức tuệ giác của hành giả vượt qua giới hạn của sự đối đãi, phân biệt trong hữu vi tướng.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Câu chuyện được ca tụng và trở thành huyền thoại đi vào lịch sử Thiền học như một biểu tượng vĩ đại của sự chứng đắc một triết lý "*ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*" của lục Tổ Huệ Năng (638-713) đã được nâng lên thành giá trị then chốt trong Thiền học Trung Hoa. Trong dòng chảy của Thiền Tào Khê, nó được tiếp nối qua nhiều thế hệ Thiền sư nổi tiếng như: Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng, Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất, Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải, Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận... với triết lý "*trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật*" làm cơ sở cho sự phát triển lớn mạnh thành Ngũ gia thất tông về sau. Lục Tổ Huệ Năng đã trở thành nhân vật kiệt xuất trong giới tòng lâm đương thời, khi nghe một vị cư sĩ

tụng đọc kinh Kim Cương đã khai mở được nguồn năng lượng tự tâm, mà không cần sự chỉ dạy của bậc thầy nào khác. Quả thật, hạt giống "*vô sư tự ngộ*" của Huệ Năng đã bọc lộ trí tuệ vượt trội so với những học trò học đạo với ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thông qua bài kệ đốn ngộ:

Bồ đề vốn không cây,

Gương sáng cũng chẳng đài,

Xưa nay không một vật,

Nơi nào dính bụi trần? [2]

Vấn đề không dừng lại ở sự nhận thức thông qua bài kệ, mà nó vượt qua giới hạn của hiểu biết thông thường bằng sự học hỏi trên lý thuyết, nó được nâng lên thành giá trị then chốt trong sự đại ngộ một chân lý vượt ngoài ngôn ngữ và chỉ có thể trực nhận bằng một nguồn lực nội tâm để đạt đến điểm cực đại của một tuệ giác Bát nhã so với nhận thức bình thường của một con người hành thiền.

Tổ Huệ Năng đã đại ngộ sau khi được Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thuyết kinh Kim Cương đến câu: *Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*, như một sự ấn chứng đặc thù của nhà thiền, nhằm khẳng định tính chân truyền làm Tổ thứ 6 theo truyền thống của Thiền Tổ sư Trung Hoa. Đây không phải là một sự hiểu biết thuần lý thông qua khái niệm, mà đó là sự trực nhận bản tính vốn có, là thực tại vô tự tướng. Ngài Huệ Năng thốt lên rằng:

Đâu ngờ tự tính vốn tự thanh tịnh,

Đâu ngờ tự tính vốn không sinh diệt,

Đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ,

Đâu ngờ tự tính vốn không lay động,

Đâu ngờ tự tính hay sinh vạn pháp! [3]

Giá trị của triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* không nằm ở hình thức, sự hiểu biết thông qua ngôn ngữ, mà chiều sâu của nó là sự thể nhập một thực tại vốn tự thanh tịnh của chân tâm mỗi con người thông qua quá trình tu tập, loại trừ vô minh, làm rơi rụng sự trụ chấp vào tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Chính vì vậy, muốn hàng phục tâm và muốn an trụ tâm, đòi hỏi hành giả phải phá bỏ chấp ngã, chấp pháp, nhận chân được thực tướng các pháp (mọi sự vật, hiện tượng) đều là phi tướng không để cho tâm chạy theo hay

dính mắc với trần cảnh, trụ tâm ở chỗ không chấp, không vướng mắc, giữ tâm thanh tịnh thì mới hiểu được triết lý sâu sắc *ưng vô sở trụ* trong kinh Kim Cương.

Lục Tổ Huệ Năng là một điển hình về sự giác ngộ một triết lý của kinh và được nhân rộng trong cộng đồng những người tu Thiền nói riêng, những người tu theo Phật giáo nói chung. Đó phản ánh tính chân thật của lời Phật dạy trong cách tiếp cận về một chân lý cho những ai muốn đạt được nó thông qua quá trình tu tập thật sự trong giới tu hành Phật giáo.

Vấn đề được đặt ra là, trong thực tiễn khi con người luôn luôn bị lục trần đeo bám, thì liệu rằng người tu luyện có đủ năng lực để vượt qua điểm giới hạn của tâm trụ chấp lục trần?

Hành giả khó thực hành trong đời sống tu tập

Về mặt lý thuyết, những người tu tập đều thừa nhận rằng triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* là phương thức thực hành đỉnh cao trong nhiều phương thức tu tập khác của đức Phật, dựa vào đó có thể kiểm soát hành vi, hành động của thân và tâm, làm chủ tâm mình vượt qua được những rào cản của lục trần hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát. Song, có một điều chúng ta cũng nên nhận thức rằng vấn đề không trụ chấp vào sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp trần, không có nghĩa là chúng ta lìa bỏ, trốn tránh cuộc sống này, chạy xa các trần tướng, mà là khởi niệm giác tỉnh vô ngã tướng, giác ngộ được tính chân thật của các pháp ngay giữa cuộc sống hiện hữu này.

Sự nhận thức về một triết lý và sự thực hành để giác ngộ về một triết lý là hai vấn đề khác nhau đối với người tu tập Phật giáo. Giáo pháp của đức Phật không chỉ để hiểu, mà phải thực hành để chứng nghiệm nó trong đời sống tu tập của giới tu sĩ nói riêng, những người chuyên tâm tu tập theo Phật giáo nói chung.

Giá trị cốt lõi của đạo Phật không nằm ở hình thức, khoa trương, tìm cầu danh lợi, địa vị xã hội, mà mục tiêu của nó là hướng đến đời sống phạm hạnh, là lợi ích chúng sinh, như bài kinh *Thí dụ lõi cây*, Trung bộ I, đức Phật đã dạy: "*không phải vì lợi ích, lợi dưỡng, tôn kính, danh vọng, không phải vì lợi ích thành tựu giới đức, không phải vì lợi ích thành tựu Thiền định, không phải vì lợi ích tri kiến. Và này Bà-la-môn, tâm giải thoát bất động chính là mục đích của phạm hạnh này, là lõi cây của phạm hạnh, là mục tiêu cuối cùng của phạm hạnh*" [4]. Do đó, giá trị của *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* hay yếu chỉ của tư tưởng kinh Kim Cương không nằm ở sự hiểu biết đơn thuần, mà là sự đánh thức tuệ giác của chúng ta, giúp chúng ta định hướng, tư duy của chính mình để thấy rõ thực tướng, thực tánh của các pháp.

Trong thực tiễn vấn đề khai ngộ từ triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* vẫn còn là một thách thức lớn trong đời sống tu tập của tu sĩ, cư sĩ, phật tử. Nhưng, vì sao lại là thách thức lớn đối với người tu tập?



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Internet

Thứ nhất, môi trường xã hội là một trong những vấn đề mà giới tu sĩ, những người chuyên tâm tu tập phải đối mặt. Trong sự vận động của xã hội, con người luôn luôn thay đổi để thích nghi với nó, đồng nghĩa với việc đời sống giới tu hành cũng phải theo đó thay đổi, thích nghi với môi trường sống. Xã hội ngày nay sẽ khác với xã hội ngày xưa, người tu hành không thể trốn chạy vào núi, rừng sâu để xa lánh cuộc đời, ẩn thân tu tập. Thay vào đó, chùa chiền, tự, viện…đã trở thành điểm hội tụ, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tâm linh của đại đa số tín đồ theo Phật giáo hoặc những thành phần khác trong xã hội.

Trong sự quan hệ tổng hòa của đời sống xã hội, đời sống tu sĩ chịu nhiều tác động từ mọi mặt của xã hội, tạo nhiều áp lực, khiến cho giới tu hành khó đạt được kỳ vọng nhưng trong kinh Phật dạy. Chẳng hạn, một vị thầy, vị sư trụ trì một tự viện, không thể ngồi yên chỉ lo tu tập, thay vào đó, họ phải hướng dẫn, giảng dạy tín đồ, phải đi hội họp, ma chay, đám cúng, tham gia vào các lễ hội mang tính xã hội…, nếu là một vị thầy có chức sắc trong Giáo hội, họ còn phải đi làm việc mỗi ngày, hội họp với chính quyền và còn giải quyết nhiều công việc liên quan đến chùa chiền, tu sĩ… Do đó, sự ảnh hưởng của môi trường sống đối với quá trình tu tập để làm rơi rụng các chấp thủ, ái, vô minh là điều cực kỳ khó khăn.

Thứ hai, con người không thể thoát ly được sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp trần và bị nó trói buộc trong đời sống hằng ngày như bóng với hình. Lục trần đã trở thành một phần không thể tách rời trong đời sống con người và giới tu hành không phải là trường hợp ngoại lệ. Do đó, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần tất nhiên sẽ sinh ra sáu thức phân biệt mọi thứ, xúc cảnh sinh tình là điều khó tránh khỏi của con người. Để đạt được trạng thái *tâm không trụ chấp* không phải là vấn đề dễ dàng đối với giới tu hành. Nếu không đạt đến tâm không trụ chấp thì làm gì giác ngộ được thực tính các pháp?

Thiền sư Trần Nhân Tông đã viết trong *Cư trần lạc đạo phú*: "*Đối cảnh vô tâm, mạc vấn thiền*" thì vô tâm đó là Thiền. Đỉnh cao của Thiền là đạt đến trạng thái tâm thanh tịnh vắng lặng, không dính mắc mọi thứ pháp trần; nếu không đạt đến vô tâm thì triết lý cao siêu đến đâu cũng chỉ là lời nói sáo rỗng, mang tính hình thức, không thẩm thấu được cốt lõi của đạo Thiền. Tuy nhiên, vấn đề là làm sao khi tâm chúng ta đối diện với sắc...mà không bị dính mắc, không bị mắc kẹt vào thế đối đãi, phân biệt, bám víu, mới là vấn đề then chốt trong đời sống tu tập.

Thứ ba, một số quan niệm ngày nay đề cao tinh thần dấn thân vào xã hội của giới tu sĩ trẻ, như một xu hướng tất yếu để phát triển Phật giáo. Điều đó đúng, không phải là sai đối với xã hội hiện đại. Tuy nhiên, câu chuyện không nằm ở sự dấn thân vào xã hội hay ẩn tu, mà vấn đề là khi dấn thân, tâm chúng ta có bị dính mắc với trần cảnh hay không là vấn đề cần suy nghĩ? Một khi nguồn năng lượng dự trữ nội tâm chưa dồi dào, mà dấn thân vào xã hội để không bị dính mắc là điều cực kỳ khó đối với một tu sĩ trẻ chưa có nội lực, chưa có kinh nghiệm kiểm soát hành vi, hành động của bản thân. Hơn nữa, ngày nay những thứ danh vọng, địa vị, quyền lực ngày càng có chiều hướng *xâm thực* vào đời sống những người thoát ly thế tục như một cạm bẫy ngọt ngào dẫn dụ giới tu hành đi thuận chiều của dòng nước thế tục. Sự *xâm thực* đó, khiến cho không ít người từ bỏ sự kiên nhẫn hướng đến mục tiêu giải thoát.

Nhiều người tu cho rằng, việc dấn thân phụng sự trong xã hội chỉ là phương tiện độ sinh, không ảnh hưởng đến quá trình tu tập hướng đến mục tiêu giác ngộ; tuy nhiên, điều đó không khéo chỉ là một cách thức biện minh cho hành động *cưỡng từ đoạt lý* mà thôi?

Thứ tư, làn sóng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) làm phát triển bùng nổ dựa trên công nghệ vật lý, kỹ thuật số và sinh học, mà trọng tâm của nó là cuộc cách mạng số thông qua các công nghệ internet, trí tuệ nhân tạo (AI), mạng xã hội, di động, thực tế ảo và sự tương tác thực tế ảo, Big data, điện toán đám mây... đã tác động mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực trong đời sống xã

hội.

Không gian số trong xã hội hiện đại đã tạo nên cách tiếp cận mới trong phương thức tu học của tu sĩ ngày nay. Nó giúp cho mọi người tăng thêm kiến thức khoa học, kiến thức về xã hội, văn hoá, tôn giáo...một cách nhanh chóng, đáp ứng được nhu cầu của đời sống xã hội và đời sống tâm linh của mọi người. Tuy nhiên, nó cũng đặt ra nhiều thách thức không nhỏ trong quá trình sàng lọc tâm thức, kiểm soát tâm ý trong tu luyện của một hành giả tu theo Phật giáo.

Sự cố chấp, bám víu vào những kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân, tạo thành sở tri chướng (tiếng Phạn: *Jñeyāvaraṇa*), là rào cản chướng ngại cho sự tu tập và giác ngộ.

Theo giáo lý Đại thừa, sở tri chướng và phiền não chướng là hai cặp phạm trù hết sức nguy hiểm, kìm hãm người tu luyện phát triển tuệ giác. Đứng ở góc độ tu tập tịnh hoá thân tâm, kiến thức xã hội sẽ trở thành sở tri chướng trong quá trình sàng lọc, kiểm soát nội tâm và nó khiến cho chúng ta suy nghĩ hết chuyện này sang chuyện khác như khỉ chuyền cành, luôn luôn chuyển động không ngừng, tâm sẽ không được an tịnh, vắng lặng, dù chỉ một sát na. Nếu tâm ta không yên tịnh thì làm sao đạt được *vô tâm*, đồng nghĩa với tâm luôn luôn trụ chấp, bám víu vào sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp trần là điều tất nhiên.

Do đó, để đạt đến trình độ vô tâm hay tâm không trụ chấp vào lục trần là một quá trình tu tập thực chất mới đủ năng lượng tiếp nhận triết lý cao siêu, đạt đến trí tuệ siêu việt như trong kinh Kim Cương đức Phật đã trình bày hết sức sâu sắc, không phải ai cũng có thể chứng ngộ được chân lý ấy. Mặt khác, từ khi lục Tổ Huệ Năng đại ngộ triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* cho đến nay, công cụ tìm kiếm những người giác ngộ triết lý ấy thật là khan khiếm trong giới tu hành. Nó đặt ra nhiều câu hỏi lớn về *sức khoẻ tu sĩ*, năng lực tu tập của hành giả ngày nay có giới hạn hay triết lý Đại thừa quá cao siêu đến độ người thực hành khó có thể đạt được trong một kiếp tu tập? Hay kinh Kim Cương chỉ dùng để tụng đọc như một biểu tượng vĩ đại của tư tưởng Đại thừa?

Tóm lại, kinh Kim Cương là một trong những bộ kinh nền tảng của hệ tư tưởng Đại thừa Phật giáo. Đó phản ánh tinh thần phá chấp, đốn ngã, nhằm khai mở nguồn năng lượng tự tâm cho hành giả để chứng đạt được chân lý hay trí tuệ siêu việt, thấy rõ được thực tính của các pháp. Nổi bật lên tư tưởng chủ đạo đó là làm sao an trụ tâm và hành phục tâm, là hai vấn đề cốt lõi trong đời sống tu tập của hành giả tu theo đạo Phật. Tuy nhiên, để trả lời cho câu hỏi đó, Đức Phật dạy một phương pháp tu tập hết sức sâu sắc đó là tâm không trụ chấp, bám víu vào bất kỳ đối tượng nào từ Phật, pháp hay quả vị Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Từ đó cho chúng ta nhận thức rằng, con đường đau khổ là do

chính chúng ta còn tham tài, tham danh, tham chức, tham địa vị, bị ngũ dục lôi kéo, chấp vào ngã tướng, *ta* và *cái của ta* đến độ bản thân luôn luôn tranh đấu để đạt được danh vọng, địa vị.

Giá trị của triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* đã trở thành kim chỉ nam giúp cho chúng ta đi đúng hướng, tịnh hoá thân tâm, sống trở về với chính *ông chủ của mình,* hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát. Tuy nhiên, để thẩm thấu được triết lý ấy đòi hỏi sự tu học thực chất đi vào chiều sâu, chuyên tâm tu luyện, buông bỏ tâm tham chấp, mong cầu những thứ hư ảo của danh lợi, mới có thể giác ngộ được tâm vô sở trụ. Từ đó, cho chúng ta thấy giá trị cao siêu của triết lý *ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm* không những thể hiện một tinh thần sống lạc quan, sống tự tin, làm chủ bản thân trong mọi hoàn cảnh, biết buông bỏ, xả ly, mà còn nhận thức rõ cuộc sống nhân sinh, không từ bỏ, không chạy trốn, chính trong cuộc sống này là nơi cho con người rèn luyện, tu tập hướng đến mục tiêu giác ngộ.

Sống buông bỏ, tỉnh giác, không trụ chấp vào lục trần chưa bao giờ là câu chuyện dễ dàng đối với giới tu hành trong xã hội ngày nay quá nhiều cạm bẫy danh lợi, tài sắc, địa vị... đã và đang làm xói mòn ý chí ban đầu là xuất thế tục gia, xuất phiền não gia của giới tu hành đang hướng đến mục tiêu giác ngộ, giải thoát?

Tác giả: **Thượng tọa Ts Thích Lệ Quang**

Tài liệu tham khảo:

1] HT. Thích Chơn Thiện, *Tư tưởng kinh Kim Cương*, Nxb. Tôn giáo, 1999.

2] HT. Thích Đổng Quán, *Giáo khoa kim Kim Cang*, Tổ đình Thiên Hoà, 2011.

3] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam Nam Truyền*, *kinh Trung bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2012.

4] HT. Thích Thanh Từ, kinh Kim Cang giảng giải, https://thuvienhoasen.org.

5] HT. Thích Thanh Từ, *kinh Pháp Bảo đàn giảng giải*, https://thuvienhoasen.org.

6] HT. Thích Trí Tịnh (dịch), *kinh Kim Cang Bát nhã ba la mật*, https://thuvienhoasen.org.

7] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên), *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

Chú thích:

[1]. HT. Thích Thanh Từ, *kinh Kim Cang giảng giải*. Https://thuvienhoasen.org/a1839/kinh-kim-cang-giang-giai.

[2]. HT. Thích Thanh Từ, *kinh Pháp Bảo đàn giảng giải, phẩm Hành do*. Https://thuvienhoasen.org/a1839/kinh-kim-cang-giang-giai.

[3]. Sđd.

[4]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Tiểu kinh Thí dụ lõi cây*, *kinh Trung bộ*, tập 1, Nxb. Tôn giáo, 2012, tr.257.